

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Trần Ngọc Châu	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Châu	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Phạm Văn Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014)
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Số: 711 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 16 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0771-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		519.490.033.116	524.015.560.688
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	65.937.429.214	168.074.018.889
1. Tiền	111		41.566.327.749	54.057.610.652
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.371.101.465	114.016.408.237
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	130.000.000	130.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		410.000.000	410.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(280.000.000)	(280.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123.549.556.243	139.344.022.162
1. Phải thu khách hàng	131	7	97.922.950.227	107.179.339.000
2. Trả trước cho người bán	132	8	25.492.860.635	31.523.843.492
3. Các khoản phải thu khác	135	9	3.859.585.355	4.002.961.633
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.725.839.974)	(3.362.121.963)
IV. Hàng tồn kho	140	10	261.969.901.171	156.860.449.798
1. Hàng tồn kho	141		262.325.901.171	156.860.449.798
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(356.000.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		67.903.146.488	59.607.069.839
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.137.008.818	895.513.566
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		50.297.652.421	47.935.611.092
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	5.382.318.232	4.480.053.439
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	11.086.167.017	6.295.891.742
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		123.944.230.867	130.272.017.628
I. Tài sản cố định	220		109.554.703.263	115.521.860.138
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	98.966.858.887	104.653.988.414
- Nguyên giá	222		141.222.418.300	138.604.465.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.255.559.413)	(33.950.477.502)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	10.587.844.376	10.853.011.597
- Nguyên giá	228		11.701.641.229	12.051.808.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.113.796.853)	(1.198.796.405)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	14.860.127
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.524.922.558	10.524.922.558
1. Đầu tư dài hạn khác	258	16	10.524.922.558	10.524.922.558
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.864.605.046	4.225.234.932
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.724.826.617	4.193.234.932
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		37.778.429	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		102.000.000	32.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		643.434.263.983	654.287.578.316

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		449.542.844.805	471.630.814.606
I. Nợ ngắn hạn	310		449.542.844.805	445.350.814.606
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	340.380.352.067	361.346.006.212
2. Phải trả người bán	312	18	87.340.464.766	71.973.275.296
3. Người mua trả tiền trước	313	19	11.492.565.671	5.583.933.327
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	438.797.184	1.012.271.515
5. Phải trả người lao động	315		650.320.721	657.182.383
6. Chi phí phải trả	316		767.100.029	907.919.743
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	8.294.308.887	3.435.432.650
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		178.935.480	434.793.480
II. Nợ dài hạn	330		-	26.280.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	26.280.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		193.891.419.178	182.656.763.710
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	193.891.419.178	182.656.763.710
1. Vốn điều lệ	411		151.993.450.000	128.314.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55.634.688.169	79.313.588.169
3. Cổ phiếu quỹ	414		(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		180.315.826	180.315.826
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.346.611.778	8.346.611.778
6. Lỗ lũy kế	420		(9.837.912.486)	(21.072.567.954)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		643.434.263.983	654.287.578.316
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			3.305.581.500	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý			4.851.384.265	4.851.384.265
3. Ngoại tệ các loại				
USD			1.313.781	2.076.660
EUR			5.620	534

Trần Lê Phong
Người lập biểu

Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng	01	24	3.818.795.959.110	2.363.789.146.700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		27.515.383.967	45.290.034.496
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		3.791.280.575.143	2.318.499.112.204
4. Giá vốn hàng bán	11	25	3.629.049.356.718	2.234.899.073.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		162.231.218.425	83.600.038.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	9.677.454.476	9.616.435.624
7. Chi phí tài chính	22	27	31.466.648.926	26.420.655.536
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.996.210.145	18.370.888.751
8. Chi phí bán hàng	24		90.043.729.276	48.617.076.284
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.999.926.276	35.226.914.446
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		14.398.368.423	(17.048.172.069)
11. Thu nhập khác	31		213.252.148	699.818.086
12. Chi phí khác	32		508.521.486	164.438.309
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(295.269.338)	535.379.777
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.103.099.085	(16.512.792.292)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	629.538.596	1.114.045.564
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(37.778.429)	-
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		13.511.338.918	(17.626.837.856)
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.064	(1.388)

Trần Lê Phong
Người lập biểu

Lê Thủy Đào
Kế toán trưởng

Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lợi nhuận)/Lỗ trước thuế	01	14.103.099.085	(16.512.792.292)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.337.070.765	8.868.081.748
Các khoản dự phòng	03	719.718.011	1.767.371.821
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.538.660.110	957.669.338
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.582.149.915)	(5.030.942.695)
Chi phí lãi vay	06	19.996.210.145	18.370.888.751
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.112.608.201	8.420.276.671
Thay đổi các khoản phải thu	09	9.961.592.115	(11.610.760.161)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(105.465.451.373)	(8.805.438.073)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	25.003.923.546	1.688.051.656
Thay đổi chi phí trả trước và các tài sản khác	12	338.709.682	(503.486.855)
Tiền lãi vay đã trả	13	(20.158.162.066)	(18.251.409.244)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.335.419.323)	(430.259.504)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.000.915.755	8.654.145.519
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.104.276.006)	(5.964.883.680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(53.645.559.469)	(26.803.763.671)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.746.407.036)	(10.119.322.866)
2. Tiền thu hồi cho vay	24	-	7.000.000.000
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.550.762.762	4.619.888.015
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(195.644.274)	1.500.565.149
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.613.288.237.973	1.656.747.964.215
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.661.566.029.597)	(1.539.621.773.779)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(9.623.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(48.287.414.824)	117.126.190.436
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(102.128.618.567)	91.822.991.914
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	168.074.018.889	76.668.931.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(7.971.108)	(417.904.722)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	65.957.429.214	168.074.018.889

Trần Lê Phong
Người lập biểu

Lê Thúy Đào
Kế toán trưởng



Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 lần đầu vào ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PIT.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 52,67% vốn điều lệ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 02 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002024 ngày 09 tháng 10 năm 2007), địa chỉ: Số 1, Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; và
- Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309391013 ngày 25 tháng 9 năm 2009), địa chỉ: Tòa nhà PJICO, 186 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Và một chi nhánh là Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại Số 577/E, tổ 5, ấp 3, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 85 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 81).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, quặng kim loại, kim loại màu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất, mua bán các loại thẻ từ, thẻ vi mạch, thẻ điện thoại (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sơn và nguyên liệu, sản phẩm ngành sản xuất sơn (không sản xuất tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ trọng yếu và số dư giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính phái sinh

Công cụ tài chính phái sinh nắm giữ cho mục đích phòng ngừa rủi ro

Các công cụ tài chính phái sinh là hợp đồng mua bán tương lai gắn liền với hợp đồng mua bán hàng hóa gốc phục vụ cho mục đích phòng ngừa rủi ro thì biến động giá trị của hợp đồng tương lai sẽ được ghi tăng hoặc giảm giá vốn trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong trường hợp có sự chênh lệch giữa giá trị của công cụ tài chính và giá trị biến động của hợp đồng mua bán hàng hóa đã ghi nhận trên báo cáo tài chính và giá trị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu của các đơn vị khác với tỷ lệ đầu tư dưới 20% và cho mục đích nắm giữ lâu dài. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và trừ dự phòng giảm khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với các hàng hóa đã chuyển giao quyền sở hữu cho khách hàng nhưng chưa chốt giá mua/giá bán, doanh thu được ghi nhận theo giá tạm tính tại thời điểm giao hàng và tại ngày kết thúc năm tài chính được điều chỉnh bằng với chi phí phát sinh có liên quan đến hàng hóa đó (doanh thu chỉ được ghi nhận bằng với chi phí phát sinh).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 9,8 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: khoảng 21 tỷ đồng), có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	592.851.033	232.386.606
Tiền gửi ngân hàng	40.973.476.716	53.825.224.046
Các khoản tương đương tiền (i)	24.371.101.465	114.016.408.237
	<u>65.937.429.214</u>	<u>168.074.018.889</u>

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Dầu tư chứng khoán ngắn hạn	410.000.000	410.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(280.000.000)	(280.000.000)
	<u>130.000.000</u>	<u>130.000.000</u>

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Khách hàng trong nước		
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	6.628.979.762	11.194.479.845
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Vạn Vạn Thông	3.849.431.042	3.986.189.042
Công ty Cổ phần Trà Phí	3.521.900.000	2.875.600.000
Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hoàng Lâm	3.461.515.168	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	2.842.471.668	9.198.342.110
Doanh nghiệp Tư nhân Sản xuất Hải Sơn	-	2.286.800.000
Các khách hàng trong nước khác	29.015.238.322	29.146.488.293
Khách hàng nước ngoài		
Công ty Qingdao International Rubber Exchange Market (Trung Quốc)	6.392.671.806	-
Công ty Schiff Food Products (Mỹ)	5.759.215.000	-
Công ty Chesapeake Spice (Mỹ)	5.689.762.500	-
Công ty Drogheria & Alimentari (Italia)	3.771.805.000	-
Công ty McCormick Global Ingredients (Mỹ)	3.745.429.077	73.000.040
Công ty Frutarom (Israel)	3.006.759.000	-
Công ty Aliments Medaillon Foods (Canada)	2.864.977.384	-
Công ty Altius Spices and Seasonings (Canada)	2.559.271.200	-
Công ty Service Industries (Parkistan)	2.314.114.560	3.529.297.920
Công ty Qingdao Free Trade Zone Jianuo International Trade (Trung Quốc)	2.290.864.000	-
Công ty Gold Matric Resource Pte Ltd (Singapore)	301.392.009	8.177.336.104
Công ty A&M Minerals Ltd (Vương Quốc Anh)	182.072	7.832.760.737
Công ty Qingdao Free Trade Zone Huigong International Trade (Trung Quốc)	-	9.208.874.099
Công ty Ab Mauri India Private (Ấn độ)	-	5.660.190.800
Công ty Star Industry (Samoa)	-	4.553.280.000
Các khách hàng nước ngoài khác	9.906.970.657	9.456.700.010
	<u>97.922.950.227</u>	<u>107.179.339.000</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Khoáng sản An Thái	11.004.098.668	-
Công ty TNHH MTV Huyền Trang	4.533.174.532	-
Công ty cổ phần Tâm Đức	3.251.913.481	-
Doanh nghiệp Tư nhân Tiến Phát	2.345.360.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản An Vinh	632.402.548	7.999.999.998
Công ty TNHH MTV Mỏ và Luyện kim Thái Nguyên	-	18.953.696.658
Khác	3.725.911.406	4.570.146.836
	<u>25.492.860.635</u>	<u>31.523.843.492</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu từ giao dịch hợp đồng tương lai (i)	2.939.099.145	1.741.022.157
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng	331.235.902	331.235.902
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	151.110.317	328.796.387
Lãi dự thu	41.737.500	1.010.350.347
Phải thu về các hợp đồng chưa chốt giá	-	109.181.594
Doanh nghiệp Tư nhân Nguyệt Phương	-	246.000.000
Phải thu khác	396.402.491	236.375.246
	<u>3.859.585.355</u>	<u>4.002.961.633</u>

- (i) Phải thu về giao dịch hợp đồng tương lai phản ánh khoản lãi do thực hiện giao dịch hợp đồng tương lai theo thông báo của nhà môi giới nhưng tiền chưa về tài khoản ký quỹ.

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	11.488.603.129	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.792.562.736	10.162.992.826
Công cụ, dụng cụ	203.065.008	79.173.041
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.673.342.198	809.069.697
Thành phẩm	19.859.240.240	17.230.425.214
Hàng hóa	209.786.607.640	118.023.833.800
Hàng hóa bất động sản đầu tư	1.310.455.220	1.310.455.220
Hàng gửi bán	3.212.025.000	9.244.500.000
Cộng	<u>262.325.901.171</u>	<u>156.860.449.798</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(356.000.000)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>261.969.901.171</u>	<u>156.860.449.798</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.394.008.247	4.373.747.032
Thuế giá trị gia tăng	813.968.218	-
Thuế thu nhập cá nhân	94.367.885	106.306.407
Các khoản khác phải thu Nhà nước	79.973.882	-
	<u>5.382.318.232</u>	<u>4.480.053.439</u>

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	6.723.737.380	5.608.609.239
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.362.429.637	687.282.503
	<u>11.086.167.017</u>	<u>6.295.891.742</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bưởi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	37.376.138.858	91.388.926.655	8.449.809.756	1.389.590.647	138.604.465.916
Mua trong năm	-	2.625.062.000	617.563.636	253.945.000	3.496.570.636
Phân loại lại	141.404.076	(252.908.244)	(82.351.149)	193.855.317	-
Tăng khác (i)	774.036.525	132.117.992	-	-	906.154.517
Giảm khác (ii)	(1.032.647.273)	(380.960.921)	(176.000.000)	(195.164.575)	(1.784.772.769)
Tại ngày 31/12/2014	37.258.932.186	93.512.237.482	8.809.022.243	1.642.226.389	141.222.418.300
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/1/2014	11.390.001.046	16.866.857.988	4.910.453.275	783.165.193	33.950.477.502
Khấu hao trong năm	2.141.614.500	5.979.086.931	762.014.432	189.187.681	9.071.903.544
Phân loại lại	(1.740.367)	(759.634)	(59.824.113)	62.324.114	-
Giảm khác (ii)	(258.610.748)	(248.842.929)	(176.000.000)	(83.367.956)	(766.821.633)
Tại ngày 31/12/2014	13.271.264.431	22.596.342.356	5.436.643.594	951.309.032	42.255.559.413
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	23.987.667.755	70.915.895.126	3.372.378.649	690.917.357	98.966.858.887
Tại ngày 31/12/2013	25.986.137.812	74.522.068.667	3.539.356.481	606.425.454	104.653.988.414

(i) Tăng khác là giá trị còn lại của các tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (trước đây là công ty con của Công ty) chuyển về sau giải thể.

(ii) Giảm khác là nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố định của Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương do giải thể.

Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.989.399.052 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.527.309.348 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thế chấp nhà văn phòng và nhà kho tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên theo Hợp đồng thế chấp số 0243/NHNT ngày 08 tháng 12 năm 2014 để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.598.017.826 đồng.

Toàn bộ tài sản cố định thuộc Nhà máy Sản xuất Sơn Petrolimex được sử dụng để thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0256/NHNT ngày 15 tháng 10 năm 2014 và số 0320/NHNT ngày 04 tháng 12 năm 2014 để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn với hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0210/KH/14NH ngày 24 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 73.494.815.764 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội - Công ty con của Công ty đã thế chấp 01 xe ô tô Nissan để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị còn lại là 363.221.542 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 864.412.213 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	11.134.529.502	917.278.500	12.051.808.002
Tăng khác (i)	4.566.180.862	-	4.566.180.862
Giảm khác (ii)	(4.916.347.635)	-	(4.916.347.635)
Tại ngày 31/12/2014	10.784.362.729	917.278.500	11.701.641.229
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	814.761.661	384.034.744	1.198.796.405
Khấu hao trong năm	108.978.039	156.189.182	265.167.221
Giảm khác (ii)	(350.166.773)	-	(350.166.773)
Phân loại lại	(27.471.872)	27.471.872	-
Tại ngày 31/12/2014	546.101.055	567.695.798	1.113.796.853
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	10.238.261.674	349.582.702	10.587.844.376
Tại ngày 31/12/2013	10.319.767.841	533.243.756	10.853.011.597

(i) Tăng khác là giá trị còn lại của quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm của Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (trước đây là công ty con của Công ty) chuyển về sau giải thể.

(ii) Giảm khác là nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương do giải thể.

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 419.017.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 111.017.500 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên theo Hợp đồng thế chấp số 0243/NHNT ngày 08 tháng 12 năm 2014 để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.205.192.140 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất để xây dựng Nhà máy Sản xuất Sơn Petrolimex tại lô đất số 231 và 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m² đã được sử dụng để thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0256/NHNT ngày 15 tháng 10 năm 2014 cho khoản vay ngắn hạn với hạn mức tính dụng là 25 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0210/KH/14NH ngày 24 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.466.888.672 đồng.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu...
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không phải sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh các mặt hàng khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính của các công ty con trên được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Số tiền đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Giá trị đầu tư</u>	<u>Giá trị đầu tư</u>
	<u>tại 31/12/2014</u>	<u>tại 31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (i)	-	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	120.000.000.000	120.000.000.000
	135.000.000.000	150.000.000.000

(i) Ngày 18 tháng 7 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 699/2013/NQ - HDQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (công ty con của Công ty) để sáp nhập về Công ty kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý về việc giải thể nêu trên.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	3.619.922.558
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	6.905.000.000	6.905.000.000
	10.524.922.558	10.524.922.558

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên và nhận thấy không có khoản đầu tư nào có dấu hiệu suy giảm về giá trị, các đơn vị nhận đầu tư đều có lãi và chia cổ tức hàng năm. Do vậy, Công ty không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư nêu trên.

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	340.380.352.067	355.506.006.212
Vay dài hạn đến hạn trả	-	5.840.000.000
	340.380.352.067	361.346.006.212

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Bên cho vay</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>Phương thức</u>
	(VND)	(VND)	đảm bảo
Tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex			
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	125.552.930.494	103.415.280.438	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	114.145.858.766	145.690.714.131	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	46.610.705.360	-	Tín chấp và Thẻ chấp tài sản
Tại Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex			
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	9.907.042.696	9.493.501.400	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	21.618.823.018	15.938.230.243	Thẻ chấp tài sản
Tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.807.130.000	26.607.176.000	Thẻ chấp tài sản
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	16.737.861.733	54.361.104.000	Tín chấp và Thẻ chấp tài sản
	340.380.352.067	355.506.006.212	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Công ty vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay năm 2014 bằng VND là khoảng từ 6,8%/năm đến 11%/năm và bằng USD là khoảng từ 2,2%/năm đến 5%/năm.

Các tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn, nhà văn phòng và nhà kho tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên theo Hợp đồng thế chấp số 0243/NHNT ngày 08 tháng 12 năm 2014.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy Sản xuất sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m² theo Hợp đồng thế chấp số 0256/NHNT ngày 15 tháng 10 năm 2014;
- Tài sản là nhà Nhà máy Sản xuất Sơn Petrolimex theo Hợp đồng thế chấp số 0256/NHNT ngày 15 tháng 10 năm 2014 và số 0320/NHNT ngày 04 tháng 12 năm 2014; và
- 01 xe ô tô có nguyên giá là 959.112.727 đồng, giá trị còn lại là 363.221.542 đồng và chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex trị giá 60 tỷ đồng.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Bahru Stainless SDN BHD (Malaysia)	56.889.683.267	38.803.792.068
Công ty Acerinox SC Malaysia SDN. BHD. (Malaysia)	5.096.172.284	5.463.583.332
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	3.379.862.240	5.348.753.000
Công ty Acerinox Europa (Tây Ban Nha)	2.470.594.248	-
Công ty TNHH Nuplex Resins Việt Nam	2.426.622.000	-
Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty 28	2.178.230.200	2.485.632.000
Công ty TNHH Petrolimex Singapore	-	3.366.517.317
Phải trả người bán khác	14.899.300.527	16.504.997.579
	<u>87.340.464.766</u>	<u>71.973.275.296</u>

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Jofont Biotechnology (Đài Loan)	3.184.163.340	-
Công ty Sarl Blanco Impex (Mỹ)	1.083.615.069	-
Công ty TNHH Colgate Palmolive Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Phước	-	1.934.400.000
Khác	7.224.787.262	3.649.533.327
	<u>11.492.565.671</u>	<u>5.583.933.327</u>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	286.472.588	-
Thuế xuất nhập khẩu	29.419.842	273.624.264
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	594.458.954
Thuế thu nhập cá nhân	122.904.754	144.188.297
	<u>438.797.184</u>	<u>1.012.271.515</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả các hợp đồng chưa chốt giá	5.831.890.970	-
Tiền khách hàng đặt cọc	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ tức phải trả	524.488.250	534.111.450
Kinh phí công đoàn	180.154.409	214.096.581
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	-	1.073.031.772
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	-	191.135.283
Phải trả, phải nộp khác	757.775.258	423.057.564
	8.294.308.887	3.435.432.650

22. VỐN CHỦ SỞ HỮUThay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	(Lỗ)/Lãi lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	128.314.550.000	79.313.588.169	(12.425.734.109)	180.315.826	8.346.611.778	(3.395.148.938)	200.334.182.726
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(17.626.837.856)	(17.626.837.856)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(50.581.160)	(50.581.160)
Tại ngày 31/12/2013	128.314.550.000	79.313.588.169	(12.425.734.109)	180.315.826	8.346.611.778	(21.072.567.954)	182.656.763.710
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	13.511.338.918	13.511.338.918
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	23.678.900.000	(23.678.900.000)	-	-	-	-	-
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	-	(2.276.683.450)	(2.276.683.450)
Tại ngày 31/12/2014	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	180.315.826	8.346.611.778	(9.837.912.486)	193.891.419.178

(i) Năm 2014, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần với tổng giá trị là 23.678.900.000 đồng theo Nghị quyết số 928/2014/NQ-HDQT ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị. Ngày 19 tháng 9 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 897/TB-SGDHCM và Quyết định số 361/QĐ-SGDHCM về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết của Công ty. Theo đó, số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết là 2.367.890 cổ phiếu và ngày chính thức giao dịch là ngày 29 tháng 9 năm 2014. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để thay đổi vốn điều lệ và tổng số cổ phần trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(ii) Theo Quyết định số 1408/QĐ-CT-XP và 1409/QĐ-CT-XP ngày 15 tháng 4 năm 2014 về việc xử lý vi phạm về thuế, Công ty phải nộp truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính cho giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2012. Công ty đã thực hiện nộp truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính và ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu Lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi tiết vốn điều lệ:

	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày 31/12/2014	Vốn góp tại ngày 31/12/2013
	%	VND	VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	52,67	80.056.110.000	66.713.430.000
Các cổ đông khác	47,33	71.937.340.000	61.601.120.000
	100,00	151.993.450.000	128.314.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Cổ phiếu:

	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	Cổ phần	15.199.345	12.831.455
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>15.199.345</i>	<i>12.831.455</i>
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	Cổ phần	989.120	989.120
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>989.120</i>	<i>989.120</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	14.210.225	11.842.335
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>14.210.225</i>	<i>11.842.335</i>
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝBộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty tổ chức bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trên cơ sở các công ty hoạt động tương đối riêng biệt theo ngành nghề kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 02 bộ phận kinh doanh sau:

- Kinh doanh thương mại: bao gồm Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội.
- Sản xuất và kinh doanh sơn: Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex.

Thông tin về hoạt động kinh doanh của từng bộ phận như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Chỉ tiêu	Kinh doanh	Sản xuất và kinh	Loại trừ	Cộng
	thương mại	doanh sơn	số dư nội bộ	
	31/12/2014	31/12/2014	31/12/2014	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.953.032.245	984.396.969	-	65.937.429.214
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	130.000.000	-	-	130.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	126.974.985.584	15.495.358.744	(18.920.788.085)	123.549.556.243
Hàng tồn kho	231.528.011.739	30.441.889.432	-	261.969.901.171
Tài sản ngắn hạn khác	65.911.722.656	1.991.423.832	-	67.903.146.488
Các khoản phải thu dài hạn	33.410.257.501	-	(33.410.257.501)	-
Tài sản cố định	27.051.070.082	82.675.353.314	(171.720.133)	109.554.703.263
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65.954.918.078	-	(55.429.995.520)	10.524.922.558
Tài sản dài hạn khác	760.905.361	3.065.921.256	37.778.429	3.864.605.046
Tổng Tài sản hợp nhất	616.674.903.246	134.654.343.547	(107.894.982.810)	643.434.263.983
Nguồn vốn				
Nợ ngắn hạn	407.649.542.364	60.814.090.526	(18.920.788.085)	449.542.844.805
Nợ dài hạn	-	33.410.257.501	(33.410.257.501)	-
Vốn chủ sở hữu	209.025.360.882	40.429.995.520	(55.563.937.224)	193.891.419.178
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	616.674.903.246	134.654.343.547	(107.894.982.810)	643.434.263.983

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)***Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:*

Chỉ tiêu	Kinh doanh	Sản xuất và kinh	Loại trừ giao	Cộng
	thương mại	doanh sơn	dịch nội bộ	
	2014	2014	2014	2014
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.750.431.968.143	80.494.008.436	(12.130.017.469)	3.818.795.959.110
Các khoản giảm trừ doanh thu	24.713.567.882	2.801.816.085	-	27.515.383.967
Doanh thu thuần bán hàng	3.725.718.400.261	77.692.192.351	(12.130.017.469)	3.791.280.575.143
Chi phí kinh doanh	3.681.781.988.872	85.441.040.867	(12.130.017.469)	3.755.093.012.270
- Giá vốn hàng bán	3.585.916.082.390	55.263.291.797	(12.130.017.469)	3.629.049.356.718
- Chi phí bán hàng	76.947.363.357	13.096.365.919	-	90.043.729.276
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.918.543.125	17.081.383.151	-	35.999.926.276
Kết quả kinh doanh bộ phận	43.936.411.389	(7.748.848.516)	-	36.187.562.873
Doanh thu hoạt động tài chính				9.677.454.476
Chi phí hoạt động tài chính				31.466.648.926
Lỗ khác				(295.269.338)
Lợi nhuận trước thuế				14.103.099.085
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				629.538.596
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				37.778.429
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				13.511.338.918

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty không thành lập các bộ phận kinh doanh nào nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, do vậy toàn bộ các bộ phận kinh doanh của Công ty đều đăng ký và nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

24. DOANH THU BÁN HÀNG

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu xuất khẩu	2.977.194.842.843	1.682.946.960.454
Doanh thu bán hàng nội địa	841.601.116.267	680.842.186.246
	3.818.795.959.110	2.363.789.146.700
Các khoản giảm trừ doanh thu	27.515.383.967	45.290.034.496
Doanh thu thuần về bán hàng	3.791.280.575.143	2.318.499.112.204

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa xuất khẩu	2.850.483.837.814	1.583.959.780.396
Giá vốn hàng bán nội địa	778.565.518.904	650.939.293.235
	3.629.049.356.718	2.234.899.073.631

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.159.265.617	4.447.511.088
Cổ tức, lợi nhuận được chia	422.884.298	583.431.607
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.036.927.765	4.575.060.454
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.841.874	-
Lãi bán hàng trả chậm và khác	48.534.922	10.432.475
	9.677.454.476	9.616.435.624

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.996.210.145	18.370.888.751
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.608.436.780	6.138.735.636
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.548.501.984	957.669.338
Chi phí tài chính khác	313.500.017	953.361.811
	31.466.648.926	26.420.655.536

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex	-	325.925.680
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	629.538.596	788.119.884
	629.538.596	1.114.045.564

29. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị tính	2014	2013
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	13.511.338.918	(17.626.837.856)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phần	12.697.683	12.697.683
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phần	1.064	(1.388)

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2013 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Theo báo cáo tài chính năm 2013	11.842.335	(1.488)
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành vào ngày 29 tháng 9 năm 2014	855.348	100
Số đã điều chỉnh lại	12.697.683	(1.388)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	44.155.524.561	31.225.355.551
Chi phí nhân công	32.511.558.983	27.086.162.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.337.070.765	8.868.081.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.100.543.133	48.314.236.732
Chi phí khác bằng tiền	13.368.616.106	11.498.300.870
	187.473.313.548	126.992.137.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	340.380.352.067	387.626.006.212
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	65.937.429.214	168.074.018.889
Nợ thuần	274.442.922.853	219.551.987.323
Vốn chủ sở hữu	193.891.419.178	182.656.763.710
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,42</u>	<u>1,20</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.937.429.214	168.074.018.889
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000	130.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	97.828.431.186	107.820.178.670
Đầu tư dài hạn	10.524.922.558	10.524.922.558
Tài sản tài chính khác	4.362.429.637	687.282.503
Tổng cộng	<u>178.783.212.595</u>	<u>287.236.402.620</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	340.380.352.067	387.626.006.212
Phải trả người bán và phải trả khác	95.454.619.244	75.003.476.082
Chi phí phải trả	767.100.029	907.919.743
Tổng cộng	<u>436.602.071.340</u>	<u>463.537.402.037</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	364.834.407.177	162.328.909.169	77.423.635.016	92.675.103.569
Euro (EUR)	-	-	145.411.880	14.359.263

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(28.741.077.216)	(6.965.380.560)
Euro (EUR)	14.541.188	1.435.926

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và có biện pháp phù hợp phòng ngừa được rủi ro nêu trên.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường để xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đề đầu tư, v.v.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn, Công ty nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty thực hiện mua một số hợp đồng tương lai để phòng ngừa rủi ro đối với các lô hàng đã giao hàng nhưng chưa chốt giá như sau:

	<u>Giá trị mua</u>	<u>Giá trị bán</u>
	USD	USD
Hợp đồng dự phòng rủi ro đã xác định ngày chốt quyền mua, bán	1.987.260	1.972.950
Hợp đồng dự phòng rủi ro chưa xác định ngày chốt quyền bán	1.589.125	408.960

Biến động giá trị hàng hóa của các hợp đồng tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thông qua tài khoản ký quỹ như sau:

	<u>31/12/2014</u>
	USD
Số tiền ký quỹ tại ngân hàng	150.432
Lỗ chưa thực hiện dự kiến của các hợp đồng tương lai	(30.861)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản lỗ chưa thực hiện dự kiến của các hợp đồng tương lai chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm do các hợp đồng này sẽ được thực hiện trong năm 2015.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 14 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 3,7 tỷ đồng. Đối với một số khoản phải thu quá hạn nhưng đã có tài sản dùng để đảm bảo thanh toán cho các khoản phải thu với giá trị cao hơn số ghi sổ, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.937.429.214	-	65.937.429.214
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000	-	130.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	97.828.431.186	-	97.828.431.186
Đầu tư dài hạn	-	10.524.922.558	10.524.922.558
Tài sản tài chính khác	4.362.429.637	-	4.362.429.637
Tổng cộng	168.258.290.037	10.524.922.558	178.783.212.595
31/12/2014			
Các khoản vay	340.380.352.067	-	340.380.352.067
Phải trả người bán và phải trả khác	95.454.619.244	-	95.454.619.244
Chi phí phải trả	767.100.029	-	767.100.029
Tổng cộng	436.602.071.340	-	436.602.071.340
Chênh lệch thanh khoản thuần	(268.343.781.303)	10.524.922.558	(257.818.858.745)
31/12/2013			
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.074.018.889	-	168.074.018.889
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000	-	130.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.820.178.670	-	107.820.178.670
Đầu tư dài hạn	-	10.524.922.558	10.524.922.558
Tài sản tài chính khác	687.282.503	-	687.282.503
Tổng cộng	276.711.480.062	10.524.922.558	287.236.402.620
31/12/2013			
Các khoản vay	361.346.006.212	26.280.000.000	387.626.006.212
Phải trả người bán và phải trả khác	75.003.476.082	-	75.003.476.082
Chi phí phải trả	907.919.743	-	907.919.743
Tổng cộng	437.257.402.037	26.280.000.000	463.537.402.037
Chênh lệch thanh khoản thuần	(160.545.921.975)	(15.755.077.442)	(176.300.999.417)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản tài chính của Công ty nhỏ hơn công nợ tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Ngày 09 tháng 6 năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng với Xí nghiệp bán lẻ Xăng Dầu - Công ty Xăng Dầu Khu vực 1 để thuê văn phòng tại số 1 Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội, số tiền thuê hàng tháng là 15 Đô la Mỹ/m².

Ngày 20 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2013/HĐTĐN với ông Đỗ Văn Trường để thuê một phần căn nhà số 264 A Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, số tiền thuê hàng tháng là 16.000.000 đồng.

Ngày 01 tháng 8 năm 2014, Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex - Công ty con của Công ty đã ký Hợp đồng số 2014/PJICO với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex để thuê văn phòng tại tầng 4, tòa nhà PJICO TOWER, số 186 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn 3 năm, số tiền thuê hàng tháng là 12 Đô la Mỹ/m².

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	2014 VND	2013 VND
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên Petrolimex	60.500.771.663	76.928.431.053
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	33.200.679.960	30.847.834.240
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên Petrolimex	32.904.677.570	-
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	1.542.119.240	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	887.607.492	566.978.699
Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	341.270.000
Công ty Xăng dầu Khu vực II - Xi nghiệp Bán lẻ	Thành viên Petrolimex	445.900.962	341.428.805
Công ty TNHH Gas Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	8.594.398	180.154.368
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	-	1.752.727
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	-	1.593.455
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO	Thành viên Petrolimex	404.699.500	-
Bán hàng			
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Thành viên Petrolimex	3.980.358.800	1.094.095.655
Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	Thành viên Petrolimex	3.102.887.312	3.247.518.303
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	2.626.127.292	1.870.507.092
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình - Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	2.443.851.845	815.593.700
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	Thành viên Petrolimex	1.718.901.800	1.368.243.796
Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	Thành viên Petrolimex	1.438.072.100	1.353.740.892
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	Thành viên Petrolimex	1.304.155.200	903.741.178
Công ty Xăng dầu Hà Giang	Thành viên Petrolimex	1.110.327.000	826.759.617
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Bình	Thành viên Petrolimex	1.054.942.020	624.717.915
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	Thành viên Petrolimex	1.049.136.600	90.686.170
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Thành viên Petrolimex	1.046.638.198	419.869.329
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sông Bé	Thành viên Petrolimex	991.954.842	980.695.730
Công ty Xăng dầu Lào Cai	Thành viên Petrolimex	889.499.100	753.595.441
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	876.297.420	606.291.808
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực I	Thành viên Petrolimex	816.439.080	435.968.242
Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum	Thành viên Petrolimex	804.003.000	415.537.430
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	Thành viên Petrolimex	747.577.000	1.275.300.976
Công ty Xăng dầu Bình Định	Thành viên Petrolimex	737.481.220	318.161.404
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	Thành viên Petrolimex	727.153.400	1.935.982.018
Xi nghiệp Bán lẻ Xăng Dầu - Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực I	Thành viên Petrolimex	642.495.460	509.449.813
Xi nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh	Thành viên Petrolimex	564.160.250	294.214.350
Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên	Thành viên Petrolimex	560.053.402	943.189.854
Công ty Xăng dầu Điện Biên	Thành viên Petrolimex	546.128.600	155.280.520
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên Petrolimex	543.035.410	711.160.230
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Thành viên Petrolimex	527.812.169	164.596.794
Công ty Xăng dầu Nghệ An	Thành viên Petrolimex	521.944.350	947.893.395
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành viên Petrolimex	514.179.982	97.735.600
Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận	Thành viên Petrolimex	493.288.550	441.631.897
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Thành viên Petrolimex	475.091.396	247.261.400
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Thành viên Petrolimex	466.297.200	-
Công ty Xăng dầu Long An	Thành viên Petrolimex	457.182.900	456.681.258
Công ty Xăng dầu Bến Tre	Thành viên Petrolimex	417.070.200	113.316.085

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ ĐU' VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Mối quan hệ	2014 VND	2013 VND
Bán hàng			
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	Thành viên Petrolimex	388.485.800	299.805.941
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Thành viên Petrolimex	388.289.800	575.955.596
Công ty TNHH MTV Xăng dầu khu vực III	Thành viên Petrolimex	384.880.800	828.208.215
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	Thành viên Petrolimex	360.704.680	241.279.596
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Thành viên Petrolimex	350.982.889	139.320.668
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Thuận	Thành viên Petrolimex	348.498.100	517.154.113
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	Thành viên Petrolimex	335.484.900	690.394.710
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	Thành viên Petrolimex	334.107.820	389.973.550
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Thành viên Petrolimex	291.008.379	240.520.950
Tổng kho Xăng dầu Đức Giang - Công ty Xăng dầu Khu vực I	Thành viên Petrolimex	278.880.000	207.434.200
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	Thành viên Petrolimex	278.492.260	97.043.886
Xí nghiệp Dịch vụ Xây lắp và Thương mại Petrolimex Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	259.412.264	162.644.692
Công ty Xăng dầu Cà Mau	Thành viên Petrolimex	237.939.700	119.844.160
Chi nhánh Xăng dầu Hòa Bình	Thành viên Petrolimex	226.624.100	-
Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam - Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên Petrolimex	205.134.200	137.383.610
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	Thành viên Petrolimex	187.897.600	151.201.520
Xí nghiệp Xăng dầu K131	Thành viên Petrolimex	183.387.725	169.684.111
Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương	Thành viên Petrolimex	159.682.100	557.269.070
Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex	Thành viên Petrolimex	154.489.776	267.963.749
Chi nhánh Xăng dầu Phú Yên	Thành viên Petrolimex	145.184.756	207.730.382
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	Thành viên Petrolimex	135.603.100	236.593.564
Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông	Thành viên Petrolimex	124.536.600	280.614.032
Xí nghiệp Xăng dầu K133 - Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Sơn Bình	Thành viên Petrolimex	116.780.050	-
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	Thành viên Petrolimex	115.164.000	35.456.318
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	108.564.800	301.820.160
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Thành viên Petrolimex	105.776.600	69.583.862
Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	Thành viên Petrolimex	102.080.500	62.016.300
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng Dầu	Thành viên Petrolimex	94.304.000	51.397.200
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	Thành viên Petrolimex	85.693.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp 01 - Petrolimex	Thành viên Petrolimex	79.934.000	1.918.812.959
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Yên Bái	Thành viên Petrolimex	74.728.900	135.388.115
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	Thành viên Petrolimex	68.844.700	220.752.100
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex tại Hải Phòng	Thành viên Petrolimex	65.241.300	15.921.000
Xí nghiệp Kho vận Xăng dầu K130	Thành viên Petrolimex	56.265.000	26.457.100
Chi nhánh Xăng dầu Bạc Liêu	Thành viên Petrolimex	53.397.700	5.904.200
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu	Thành viên Petrolimex	16.800.000	9.194.792
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên Petrolimex	11.647.400	3.158.900
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex - Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Xây lắp và Thương mại	Thành viên Petrolimex	2.094.000	36.178.470
Công ty Xăng dầu B12 - Cảng dầu B12	Thành viên Petrolimex	-	21.851.600
Xí nghiệp Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Vũng Tàu	Thành viên Petrolimex	-	32.399.700
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	Thành viên Petrolimex	-	3.875.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Thành viên Petrolimex	-	138.138.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Mối quan hệ	2014 VND	2013 VND
Bán hàng			
Công ty Gas Petrolimex Đà Nẵng - Tổng Công ty Gas Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	192.415.000
Chi nhánh Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần Nhà máy LPG Cần Thơ	Thành viên Petrolimex	-	19.687.500
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO	Thành viên Petrolimex	-	194.770.480
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	4.247.100
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	Thành viên Petrolimex	-	288.912.500
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		3.357.206.658	3.337.953.682

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công nợ phải thu			
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Thành viên Petrolimex	1.069.106.752	787.059.990
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Thành viên Petrolimex	624.358.723	582.880.290
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	615.634.210	356.127.379
Công ty Cổ phần Xây Lắp 01 - Petrolimex	Thành viên Petrolimex	601.545.295	1.319.361.742
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	Thành viên Petrolimex	594.805.982	464.002.181
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	Thành viên Petrolimex	588.818.616	231.667.787
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	Thành viên Petrolimex	476.589.185	442.109.902
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Thành viên Petrolimex	335.371.654	-
Công ty Xăng dầu Hà Giang	Thành viên Petrolimex	295.027.055	272.903.522
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình - Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	249.451.172	351.282.415
Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	247.474.232	185.842.144
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	189.511.970	110.904.338
Công ty Xăng dầu Điện Biên	Thành viên Petrolimex	178.790.417	9.060.051
Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận	Thành viên Petrolimex	168.971.660	475.540.223
Công ty Xăng dầu Bến Tre	Thành viên Petrolimex	168.729.250	-
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Thành viên Petrolimex	139.813.272	1.586.808
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	Thành viên Petrolimex	136.033.109	45.662.395
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	Thành viên Petrolimex	135.077.136	4.772.652
Xí nghiệp Dịch vụ Xây lắp và Thương mại Petrolimex Sài Gòn	Thành viên Petrolimex	131.256.510	32.930.370
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Thành viên Petrolimex	130.425.212	18.939.940
Chi nhánh Xăng dầu Hà Nam - Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên Petrolimex	129.905.783	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	Thành viên Petrolimex	126.797.000	-
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	Thành viên Petrolimex	124.146.792	38.154.690
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	Thành viên Petrolimex	112.487.320	-
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	107.125.336	94.439.879
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Thành viên Petrolimex	105.429.158	105.277.263
Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum	Thành viên Petrolimex	103.200.996	125.779.952
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bình Định	Thành viên Petrolimex	101.735.580	1.055.205
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Công ty Xăng dầu Khu vực I - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	101.437.531	155.108.029
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Thành viên Petrolimex	94.773.785	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEXSố 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau (Tiếp theo):

	Mối quan hệ	31/12/2014	31/12/2013
		VND	VND
Công nợ phải thu			
Công ty TNHH MTV Đông táu và Thương mại Petrolimex	Thành viên Petrolimex	94.262.300	-
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	Thành viên Petrolimex	93.748.082	104.330.908
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Thành viên Petrolimex	87.455.850	73.763.132
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Thuận	Thành viên Petrolimex	83.107.345	120.188.437
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	Thành viên Petrolimex	72.041.217	55.205.251
Công ty Xăng dầu Long An	Thành viên Petrolimex	62.221.650	28.616.222
Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	Thành viên Petrolimex	61.304.501	196.916.395
Chi nhánh Xăng dầu Hòa Bình	Thành viên Petrolimex	55.797.546	-
Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông	Thành viên Petrolimex	51.638.527	238.411.986
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	Thành viên Petrolimex	51.306.750	222.341.730
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	Thành viên Petrolimex	48.986.848	7.586.480
Công ty Xăng dầu Yên Bái - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	46.450.743	-
Công ty Xăng dầu khu vực III - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	46.381.489	427.454.676
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Thành viên Petrolimex	43.275.505	208.250
Công ty Xăng dầu Nghệ An	Thành viên Petrolimex	43.265.663	303.625.011
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	Thành viên Petrolimex	41.662.390	-
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	Thành viên Petrolimex	29.231.587	109.338.800
Chi nhánh Xăng dầu Phú Yên	Thành viên Petrolimex	28.015.480	12.075.630
Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương	Thành viên Petrolimex	23.627.645	182.768.816
Chi nhánh Xăng dầu Bạc Liêu	Thành viên Petrolimex	18.048.355	-
Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex	Thành viên Petrolimex	17.612.675	35.575.316
Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam - Công ty Xăng dầu Khu vực V - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	16.511.690	1.358.863
Tổng kho Xăng dầu Đức Giang - Chi nhánh Công ty Xăng dầu Khu vực I - Công ty TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	15.215.200	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	Thành viên Petrolimex	12.590.972	7.202.286
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Thành viên Petrolimex	7.403.615	12.873.995
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	Thành viên Petrolimex	7.168.920	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO	Thành viên Petrolimex	7.044.964	7.044.964
Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	Thành viên Petrolimex	5.562.911	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex tại Hà Nội	Thành viên Petrolimex	5.204.248	24.900.848
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Thành viên Petrolimex	4.671.810	4.671.810
Công ty Xăng dầu Khu vực 5 - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	2.182.867	242.123.277
Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên	Thành viên Petrolimex	1.973.284	-
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Thành viên Petrolimex	-	17.894.039
Công ty Xăng dầu Lào Cai	Thành viên Petrolimex	-	12.879.824
Công ty Xăng dầu Khu vực I	Thành viên Petrolimex	-	248.293.486
Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh	Thành viên Petrolimex	-	15.473.859
Xí nghiệp Xăng dầu K131	Thành viên Petrolimex	-	72.885.853
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP	Thành viên Petrolimex	-	160.053.850
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp I - Petrolimex tại Hải Phòng	Thành viên Petrolimex	-	17.513.100
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV	Thành viên Petrolimex	-	10.269.710

